



Flashcardo.com

Esperamos que estes flashcards para impressão sejam úteis para você. Para encontrar ainda mais produtos de flashcards, visite o nosso site www.flashcardo.com/pt. No Flashcardo.com oferecemos flashcards online, flashcards com repetição espaçada, flashcards em vídeo e muito mais. Tudo gratuito e pronto para ser usado por estudantes em todo o mundo.

Direitos Autorais, Notas de Licença

Este PDF está protegido pela lei de direitos autorais e todos os direitos são reservados. Você pode compartilhar este PDF com qualquer pessoa. No entanto, não é permitido vender este PDF nem o seu conteúdo. Se tiver alguma dúvida, acesse www.flashcardo.com/pt para entrar em contato conosco. Obrigado!

Isenção de Responsabilidade

ESTE PDF É FORNECIDO "NO ESTADO EM QUE SE ENCONTRA", SEM QUALQUER GARANTIA DE QUALQUER TIPO, EXPRESSA OU IMPLÍCITA, INCLUINDO, MAS NÃO SE LIMITANDO ÀS GARANTIAS DE COMERCIALIZAÇÃO, ADEQUAÇÃO A UM PROPÓSITO ESPECÍFICO E NÃO VIOLAÇÃO. EM NENHUMA CIRCUNSTÂNCIA OS AUTORES OU DETENTORES DOS DIREITOS AUTORAIS SERÃO RESPONSÁVEIS POR QUALQUER RECLAMAÇÃO, DANO OU OUTRA RESPONSABILIDADE, SEJA EM AÇÃO CONTRATUAL, DELITO OU DE OUTRA FORMA, DECORRENTE DE OU RELACIONADA AO PDF OU AO USO OU OUTRAS INTERAÇÕES COM O PDF.

Direitos Autorais © 2025 Flashcardo.com. Todos os Direitos Reservados

Impressão Frente e Verso

Observe que estes flashcards foram feitos para serem impressos em frente e verso (também conhecido como duplex). Se a sua impressora não permitir impressão frente e verso, faça o download dos PDFs de flashcards individuais para impressão.

eu

tu

ele

ela

isto
ele, ela

nós

vós

eles

O quê

Quem

Onde

Porquê

Como

Qual

Quando

então

se

mesmo

mas

porque

não

anh ấy

bạn

tôi

chúng tôi / chúng ta

nó

cô ấy

cái gì

họ

các bạn

tại sao

ở đâu

ai

lúc nào

cái nào

làm sao

thật sự

nếu

sau đó

không

bởi vì

nhưng

isto
isso

Eu preciso disto

Quanto é ...?

aquilo

tudo

ou

e

saber

Eu sei

Eu não sei

pensar

vir

colocar

tirar

encontrar
objeto

ouvir

trabalhar

falar

dar
objeto

gostar

ajudar

Cái này giá bao nhiêu?

Tôi cần cái này

này

hoặc

tất cả

đó

Tôi biết

biết

và

đến

nghĩ

Tôi không biết

tìm

lấy

đặt

nói chuyện

làm việc

nghe

giúp đỡ

thích

cho

amar

telefonar

esperar

Eu gosto de ti

Eu não gosto disto

Gostas de mim?

Eu amo-te

0

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

11

12

13

chờ đợi

gọi

yêu

Bạn có yêu tôi không?

Tôi không thích cái này

Tôi thích bạn

một

không

Tôi yêu bạn

bốn

ba

hai

bảy

sáu

năm

mười

chín

tám

mười ba

mười hai

mười một

14

15

16

17

18

19

20

novo

velho
objeto

poucos

muitos

Quanto é?

Quantos?

errado

correto

mau

bom

feliz

curto

comprido

pequeno

mười sáu

mười năm

mười bốn

mười chín

mười tám

mười bảy

cũ

mới

hai mươi

bao nhiêu?

nhiều

ít

chính xác

sai

bao nhiêu?

hạnh phúc

tốt

xấu

nhỏ

dài

ngắn

grande

ali

aqui

direita

esquerda

belo

jovem

velho
pessoa

Olá
geralmente

Até logo

Ok

Tem cuidado

Não te preocupes

Claro

Bom dia

Olá
amigo

Tchau

Adeus

com licença

Desculpa

Obrigado

đây

đó

lớn

xinh đẹp

trái

phải

xin chào

già

trẻ

bảo trọng nhé

được

hẹn gặp lại

chúc ngày tốt lành

tất nhiên

đừng lo

tạm biệt

bái bai

chào

cảm ơn bạn

xin lỗi

xin làm phiền

por favor

Eu quero isto

agora

tarde

manhã
9:00-11:00

noite

manhã
6:00-9:00

tardinha

meio-dia

meia-noite

hora
60 minutos

minuto

segundo
tempo

dia

semana

mês

ano

hora
tempo

data

anteontem

ontem

bây giờ

Tôi muốn cái này

làm ơn

ban đêm

buổi sáng

buổi chiều

buổi trưa

buổi tối

buổi sáng

phút

giờ

nửa đêm

tuần

ngày

giây

thời gian

năm

tháng

hôm qua

ngày hôm kia

ngày tháng

hoje

amanhã

depois de amanhã

segunda-feira

terça-feira

quarta-feira

quinta-feira

sexta-feira

sábado

domingo

Amanhã é sábado

vida

mulher

homem

amor

namorado

namorada

amigo

beijo

sexo

criança

ngày kia

ngày mai

hôm nay

thứ tư

thứ ba

thứ hai

thứ bảy

thứ sáu

thứ năm

cuộc đời

Ngày mai là thứ bảy

chủ nhật

tình yêu

đàn ông

đàn bà

bạn

bạn gái

bạn trai

trẻ em

tình dục

hôn

bebé

rapariga

rapaz

mamã

papá

mãe

pai

pais

filho

filha

irmã mais nova

irmão mais novo

irmã mais velha

irmão mais velho

ficar de pé

sentar

deitar

fechar

abrir
porta

perder

ganhar
competição

con trai

con gái

em bé

má

ba

mẹ

con trai

cha mẹ

cha

em trai

em gái

con gái

đúng

anh trai

chị gái

đóng

nằm xuống

ngồi

thắng

thua

mở

morrer

viver

ligar

apagar

matar

magoar

tocar

ver

beber

comer

andar

encontrar
pessoa

apostar
desporto

beijar

seguir

casar

responder

perguntar

pergunta

empresa

negócio

bật

sống

chết

làm bị thương

giết

tắt

uống

xem

chạm

gặp

đi bộ

ăn

đi theo

hôn

đặt cược

hỏi

trả lời

cưới

kinh doanh

công ty

câu hỏi

trabalho

dinheiro

telefone

escritório

médico

hospital

enfermeira

polícia
pessoa

presidente

branco

preto

vermelho

azul

verde

amarelo

lento

rápido

engraçado

injusto

justo

difícil

điện thoại

tiền

việc làm

bệnh viện

bác sĩ

văn phòng

tổng thống

cảnh sát

y tá

màu đỏ

màu đen

màu trắng

màu vàng

màu xanh lá cây

màu xanh da trời

vui vẻ

nhanh

chậm

khó

công bằng

không công bằng

fácil

Isto é difícil

rico

pobre

forte

fraco

seguro
adjetivo

cansado

orgulhoso

satisfeito

doente

saudável

zangado

baixo
diagrama

alto
edifício

reto

todas

sempre

na verdade

outra vez

já

giàu

Cái này khó

dễ

yếu

khỏe

nghèo

tự hào

mệt mỏi

an toàn

khỏe mạnh

bệnh

no bụng

cao

thấp

tức giận

luôn luôn

mỗi / mọi

thẳng

đã

lần nữa

thực ra

menos

máximo

mais

Eu quero mais

nada

muito

animal

porco

vaca

cavalo

cão

ovelha

macaco
animal

gato

urso

galinha

pato

borboleta

abelha

peixe
animal

aranha

nhiều hơn

phần lớn

ít hơn

rất

không có

Tôi muốn nhiều hơn

con bò

con lợn

động vật

con cừu

con chó

con ngựa

con gấu

con mèo

con khỉ

con bướm

con vịt

con gà

con nhện

con cá

con ong

serpente

fora

dentro

longe

perto

abaixo

acima

ao lado

frente

atrás

doce

azedo

estranho

suave

duro
objeto

fofo

estúpido

louco

ocupado

alto
pessoa

baixo
pessoa

ở trong

ở ngoài

con rắn

bên dưới

gần

xa

phía trước

bên cạnh

bên trên

chua

ngọt

phía sau

cứng

mềm

lạ

điên khùng

ngu ngốc

đáng yêu

thấp

cao

bận rộn

preocupado

surpreendido

fixe

bem-comportado

malvado

esperto

frio

muito quente

cabeça

nariz

cabelo

boca

orelha

olho

mão

pé

coração

cérebro

puxar
porta

empurrar
porta

pressionar

ngẫu

ngạc nhiên

lo lắng

khéo léo

ác độc

cư xử tốt

đầu

nóng

lạnh

miệng

tóc

mũi

bàn tay

mắt

tai

não

tim

bàn chân

ấn

đẩy

kéo

bater
geralmente

apanhar

lutar

atirar

correr

ler

escrever

consertar

contar

cortar

vender

comprar

pagar

estudar

sonhar

dormir

jogar

celebrar

descansar

desfrutar

limpar
geralmente

chiến đấu

bắt

đánh

đọc

chạy

ném

đếm

sửa chữa

viết

mua

bán

cắt

mơ

học

trả

ăn mừng

chơi

ngủ

dọn dẹp

thưởng thức

nghỉ ngơi

escola

casa
edifício

porta
edifício

marido

esposa

casamento

peessoa

automóvel

casa
teu, tua

cidade

número

21

22

26

30

31

33

37

40

41

44

cửa

nhà ở

trường học

đám cưới

vợ

chồng

nhà

xe hơi

người

hai mươi mốt

số

thành phố

ba mươi

hai mươi sáu

hai mươi hai

ba mươi bảy

ba mươi ba

ba mươi mốt

bốn mươi bốn

bốn mươi mốt

bốn mươi

48

50

51

55

59

60

61

62

66

70

71

73

77

80

81

84

88

90

91

95

99

năm mươi mốt

năm mươi

bốn mươi tám

sáu mươi

năm mươi chín

năm mươi lăm

sáu mươi sáu

sáu mươi hai

sáu mươi mốt

bảy mươi ba

bảy mươi mốt

bảy mươi

tám mươi mốt

tám mươi

bảy mươi bảy

chín mươi

tám mươi tám

tám mươi bốn

chín mươi chín

chín mươi lăm

chín mươi mốt

100

1000

10.000

100.000

1.000.000

meu cão

teu gato

vestido dela

carro dele

bola dele

nossa casa

vossa equipa

companhia deles

toda a gente

juntos

outro

Não interessa

Saúde

Relaxa

Eu concordo

Bem-vindo

mười nghìn

một nghìn

một trăm

con chó của tôi

một triệu

một trăm nghìn

xe của anh ấy

váy của cô ấy

con mèo của bạn

đội của bạn

nhà của chúng tôi

quả bóng của nó

cùng nhau

mọi người

công ty của họ

chúc mừng

không thành vấn đề

khác

chào mừng

tôi đồng ý

thư giãn đi

Sem problema

Vira à direita

Vira à esquerda

Segue em frente

Vem comigo

ovo

queijo

leite

peixe
comida

carne

vegetal

fruta

osso
comida

óleo

pão

açúcar

chocolate

rebuçado

bolo

bebida

água

rễ trái

rễ phải

không phải lo

trúng

Hãy đi với tôi

đi thẳng

cá

sữa

phô mai

trái cây

rau

thịt

bánh mì

dầu

xương

kẹo

sô cô la

đường

nước

đồ uống

bánh bông lan

água gasosa

café

chá

cerveja

vinho

salada

sopa

sobremesa

pequeno-almoço

almoço

jantar

piza

autocarro

comboio

estação de comboios

paragem de autocarro

avião

navio

camião

bicicleta

motocicleta

trà

cà phê

nước soda

sa lát

rượu nho

bia

bữa ăn sáng

món tráng miệng

súp

pizza

bữa tối

bữa trưa

ga xe lửa

xe lửa

xe buýt

tàu

máy bay

trạm dừng xe buýt

xe mô tô

xe đạp

xe tải

táxi

semáforo

parque de estacionamento
área

estrada

roupa

calçado

sobretudo

suéter

camisa

casaco

fato

calças

vestido

t-shirt

meia

sutiã

boxers

óculos

mala de mão

mala

carteira

bãi đậu xe

đèn giao thông

xe taxi

giày dép

quần áo

đường

áo sơ mi

áo len

áo choàng

quần dài

áo phực

áo khoác

bít tất

áo phông

đầm

kính

quần lót

áo ngực

ví

ví tiền

túi xách

anel

chapéu

relógio de pulso

bolso

Como te chamas?

O meu nome é David

Eu tenho 22 anos

Como estás?

Está tudo bem?

Onde é a casa de banho?

Tenho saudades tuas

primavera

verão

outono

inverno

janeiro

fevereiro

março

abril

maio

junho

đồng hồ đeo tay

mũ

nhẫn

Tên của tôi là David

Bạn tên gì?

túi

Bạn có ổn không?

Bạn có khỏe không?

Tôi 22 tuổi

mùa xuân

Tôi nhớ bạn

Nhà vệ sinh ở đâu vậy?

mùa đông

mùa thu

mùa hè

tháng ba

tháng hai

tháng một

tháng sáu

tháng năm

tháng tư

julho

agosto

setembro

outubro

novembro

dezembro

compra

conta

mercado

supermercado

edifício

apartamento

universidade

quinta

igreja

restaurante

bar

ginásio

parque

casa de banho
WC

mapa

tháng chín

tháng tám

tháng bảy

tháng mười hai

tháng mười một

tháng mười

chợ

hóa đơn

mua sắm

căn hộ

tòa nhà

siêu thị

nhà thờ

nông trại

trường đại học

phòng thể dục

quán bar

nhà hàng

bản đồ

nhà vệ sinh

công viên

ambulância

polícia
esquadra

arma

bombeiros

país

subúrbio

aldeia

saúde

medicina

acidente

paciente

cirurgia

comprimido

febre

constipação

ferida

marcação

tosse

pescoço

nádegas

ombro

súng

cảnh sát

xe cứu thương

ngoại ô

quốc gia

lính cứu hỏa

dược phẩm

sức khỏe

ngôi làng

phẫu thuật

bệnh nhân

tai nạn

cảm lạnh

sốt

viên thuốc

ho

cuộc hẹn

vết thương

vai

mông

cổ

joelho

perna

braço

barriga

seio

costas

dente

língua

lábio

dedo

dedo do pé

estômago

pulmão

fígado

nervo

rim

intestino

cor

laranja
cor

cinzento

castanho

tay

chân

đầu gối

lưng

ngực

bụng

môi

lưỡi

răng

dạ dày

ngón chân

ngón tay

dây thần kinh

gan

phổi

màu sắc

ruột

thận

màu nâu

màu xám

màu cam

côr-de-rosa

aborrecido

pesado

leve

só

esfomeado

sedento

triste

íngreme

plano

redondo

angular

estreito

largo

profundo

raso

enorme

norte

este

sul

oeste

nặng

nhàm chán

màu hồng

đôi bụng

cô đơn

nhẹ

đốc

buồn

khát nước

vuông

tròn

bằng phẳng

sâu

rộng

hẹp

bắc

lớn

nông

tây

nam

đông

sujo

limpo

cheio

vazio

caro

barato

escuro

claro

sensual

preguiçoso

corajoso

generoso

bonito

feio

tonto

amigável

culpado

cego

bêbado

molhado

seco

đầy

sạch sẽ

bẩn

rẻ

đắt

trống rỗng

quyến rũ

sáng

tối

hào phóng

dũng cảm

lười biếng

ngớ ngẩn

xấu xí

đẹp trai

mù

tội lỗi

thân thiện

khô

ướt

say

quente

barulhento

tranquilo

silencioso

cozinha

casa de banho
quarto de banho

sala de estar

quarto
casa

jardim

garagem

parede

cave

retrete

escada
edifício

telhado

janela
edifício

faca

chávena

copo
vidro

prato

copo
plástico

yên tĩnh

ồn ào

ấm áp

phòng tắm

nhà bếp

im lặng

vườn

phòng ngủ

phòng khách

tầng hầm

tường

gara

mái nhà

cầu thang

nhà vệ sinh

tách

dao

cửa sổ

cốc

đĩa

ly

caixote do lixo

tigela

televisão
aparelho

secretária
mesa

cama

espelho

chuveiro

sofá

fotografia

relógio

mesa

cadeira

piscina
jardim

campainha

vizinho

falhar

escolher

disparar

votar

cair

defender

bộ tivi

tô

thùng rác

gương

giường

bàn

ảnh

ghế sofa

vòi hoa sen

ghế

bàn

đồng hồ

hàng xóm

chuông

hồ bơi

bắn

chọn

thất bại

bảo vệ

rơi xuống

bình chọn

atacar

roubar

queimar

resgatar

fumar

voar

carregar
objeto

cuspir

dar um pontapé

morder

respirar

cheirar

chorar

cantar

sorrir

rir

crescer

encolher

discutir

ameaçar

partilhar

đốt

trộm

tấn công

bay

hút thuốc

cứu

đá

khắc nhở

mang theo

ngủi

thở

cẩn

cười mỉm

hát

khóc

co lại

lớn lên

cười

chia sẻ

đe dọa

tranh luận

alimentar

esconder

avisar

nadar

saltar

rolar

levantar

escavar

copiar

entregar

procurar

praticar

viajar

pintar

tomar banho

abrir
aloquete

trancar

lavar

rezar

cozinhar

livro

cảnh báo

trốn

cho ăn

lăn

nhảy

bơi

sao chép

đào

nâng

luyện tập

tìm kiếm

giao hàng

tắm vòi sen

vẽ

đi du lịch

rửa

khóa

mở

sách

nấu ăn

cầu nguyện

biblioteca

trabalho de casa

exame

lição

ciências naturais

história

arte

Inglês

Francês

caneta

lápiz

3%

primeiro

segundo
2.

terceiro

quarto
4.

resultado

quadrado

círculo

área

pesquisa

bài thi

bài tập về nhà

thư viện

lịch sử

khoa học

bài học

tiếng Pháp

tiếng Anh

nghệ thuật

ba phần trăm

bút chì

cây bút

thứ ba

thứ hai

thứ nhất

hình vuông

kết quả

thứ tư

nguyên cứu

diện tích

hình tròn

graduação

bacharelato

mestrado

$x < y$

$x > y$

stress

seguro
dinheiro

funcionários

departamento

salário

endereço
edifício

carta

capitão

detetive

piloto

professor
universidade

professor
escola

advogado

secretária
pessoa

assistente

juiz

thạc sĩ

cử nhân

bằng cấp

áp lực

x lớn hơn y

x nhỏ hơn y

bộ phận

nhân viên

bảo hiểm

lá thư

địa chỉ

lương

phi công

thám tử

thuyền trưởng

luật sư

giáo viên

giáo sư

thẩm phán

trợ lý

thư ký

diretor

executivo

cozinheiro

taxista

motorista de autocarro

criminoso

modelo

artista

número de telefone

receção

app

conversação

ficheiro

endereço
internet

endereço de correio
eletrónico

sítio eletrónico

correio eletrónico

telemóvel

lei

prisão

prova

đầu bếp

quản lý

giám đốc

tội phạm

tài xế xe buýt

tài xế taxi

số điện thoại

nghệ sĩ

người mẫu

trò chuyện

ứng dụng

tín hiệu

địa chỉ email

url

tập tin

điện thoại di động

thư điện tử

trang mạng

chứng cứ

nhà tù

pháp luật

multa

testemunha

tribunal

assinatura

perda

lucro

cliente

montante

cartão de crédito

palavra-passe

caixa automático

piscina
competição

eletricidade

câmara

rádio

presente

garrafa

saco

chave

boneca

anjo

tòa án

nhân chứng

tiền phạt

lợi nhuận

thua lỗ

chữ ký

thẻ tín dụng

số tiền

khách hàng

bể bơi

máy rút tiền

mật khẩu

đài radio

máy ảnh

điện

cái túi

cái chai

quà tặng

thiên thần

búp bê

chìa khóa

pente

pasta de dentes

escova de dentes

champô

creme

lenço

batom

televisão
TV

cinema

notícias

assento

bilhete

ecrã de cinema

música

palco

audiência

pintura

anedota

artigo

jornal

revista

bàn chải đánh răng

kem đánh răng

lược

khăn giấy

kem thoa

dầu gội

rạp chiếu phim

truyền hình

son môi

vé

ghế

tin tức

sân khấu

âm nhạc

màn chiếu

trò đùa

hội họa

khán giả

tạp chí

báo chí

bài báo

anúncio

natureza

cinza

fogo

diamante

lua

Terra

sol

estrela

planeta

universo

costa

lago

floresta

deserto

monte

rocha

rio

vale

montanha

ilha

tro

thiên nhiên

quảng cáo

mặt trăng

kim cương

lửa

ngôi sao

mặt trời

Trái Đất

bờ biển

vũ trụ

hành tinh

sa mạc

rừng

hồ

con sông

đá

đồi núi

đảo

núi

thung lũng

oceano

mar

tempo

gelo

neve

tempestade

chuva

vento

planta

árvore

relva

rosa

flor

gás

metal

ouro

prata

A prata é mais barata do que
o ouro

O ouro é mais caro do que a
prata

feriado

membro

thời tiết

biển

đại dương

bão táp

tuyết

băng

thực vật

gió

mưa

hoa hồng

cỏ

cây

kim loại

chất khí

hoa

Bạc rẻ hơn vàng

bạc

vàng

thành viên

ngày lễ

Vàng đắt hơn bạc

hotel

praia

convidado

aniversário

Natal

Ano Novo

Páscoa

tio

tia

avó
paterna

avô
paterno

avó
materna

avô
materno

morte

campa

divórcio

noiva

noivo

101

105

110

khách

bờ biển

khách sạn

Năm Mới

Giáng sinh

sinh nhật

cô

chú

Lễ Phục sinh

bà ngoại

ông nội

bà nội

phần mộ

tử vong

ông ngoại

chú rể

cô dâu

ly hôn

một trăm mười

một trăm linh năm

một trăm linh một

151

200

202

206

220

262

300

303

307

330

373

400

404

408

440

484

500

505

509

550

595

hai trăm linh hai

hai trăm

một trăm năm mươi mốt

hai trăm sáu mươi hai

hai trăm hai mươi

hai trăm linh sáu

ba trăm linh bảy

ba trăm linh ba

ba trăm

bốn trăm

ba trăm bảy mươi ba

ba trăm ba mươi

bốn trăm bốn mươi

bốn trăm linh tám

bốn trăm linh bốn

năm trăm linh năm

năm trăm

bốn trăm tám mươi bốn

năm trăm chín mươi lăm

năm trăm năm mươi

năm trăm linh chín

600

601

606

616

660

700

702

707

727

770

800

803

808

838

880

900

904

909

949

990

tigre

sáu trăm linh sáu

sáu trăm linh một

sáu trăm

bảy trăm

sáu trăm sáu mươi

sáu trăm mười sáu

bảy trăm hai mươi bảy

bảy trăm linh bảy

bảy trăm linh hai

tám trăm linh ba

tám trăm

bảy trăm bảy mươi

tám trăm tám mươi

tám trăm ba mươi tám

tám trăm linh tám

chín trăm linh chín

chín trăm linh bốn

chín trăm

con hổ

chín trăm chín mươi

chín trăm bốn mươi chín

rato
animal

ratazana

coelho

leão

burro

elefante

pássaro

galo

pombo

ganso

inseto

besouro

mosquito

mosca

formiga

baleia

tubarão

golfinho

caracol

rã

frequentemente

con thỏ

con chuột cống

con chuột

con voi

con lừa

con sư tử

con chim bồ câu

con gà trống choai

con chim

con bọ

côn trùng

con ngỗng

con kiến

con ruồi

con muỗi

con cá heo

con cá mập

con cá voi

thường xuyên

con ếch

con ốc sên

imediatamente

subitamente

no entanto

ginástica

ténis
desporto

corrida

ciclismo

golfe

patinagem no gelo

futebol

basquetebol

natação

mergulho

caminhada

Reino Unido

Espanha

Suíça

Itália

França

Alemanha

Tailândia

mặc dù

đột ngột

ngay lập tức

chạy

quần vợt

thể dục dụng cụ

trượt băng

đánh golf

đạp xe

bơi lội

bóng rổ

bóng đá

Vương quốc Anh

đi bộ đường dài

lặn

Ý

Thụy sĩ

Tây Ban Nha

Thái Lan

Đức

Pháp

Singapura

Rússia

Japão

Israel

Índia

China

Estados Unidos da América

México

Canadá

Chile

Brasil

Argentina

África do Sul

Nigéria

Marrocos

Líbia

Quênia

Argélia

Egito

Nova Zelândia

Austrália

Nhật Bản

Nga

Singapore

Trung Quốc

Ấn Độ

Israel

Canada

Mexico

Hoa Kỳ

Argentina

Brazil

Chile

Ma Rốc

Nigeria

Nam Phi

Algeria

Kenya

Libya

Úc

New Zealand

Ai Cập

África

Europa

Ásia

América

um quarto de hora

meia hora

três quartos de hora

1:00

2:05

3:10

4:15

5:20

6:25

7:30

8:35

9:40

10:45

11:50

12:55

uma da manhã

duas da tarde

Châu Á

Châu Âu

Châu Phi

nửa tiếng

mười lăm phút

Châu Mỹ

hai giờ năm phút

một giờ

bốn mươi lăm phút

năm giờ hai mươi

bốn giờ mười lăm

ba giờ mười phút

tám giờ ba mươi lăm

bảy giờ rưỡi

sáu giờ hai mươi năm

mười hai giờ kém mười

mười một giờ kém mười năm

mười giờ kém hai mươi

hai giờ chiều

một giờ sáng

một giờ kém năm

semana passada

esta semana

próxima semana

ano passado

este ano

próximo ano

mês passado

este mês

próximo mês

2014-01-01

2003-02-25

1988-04-12

1899-10-13

1907-09-30

2000-12-12

testa

ruga

queixo

bochecha

barba

pestanas

tuần sau

tuần này

tuần trước

năm sau

năm nay

năm ngoái

tháng sau

tháng này

tháng trước

ngày mười hai tháng tư năm
một nghìn chín trăm tám
mười tám

ngày hai mươi lăm tháng hai
năm hai nghìn linh ba

ngày một tháng một năm hai
nghìn mười bốn

ngày mười hai tháng mười
hai năm hai nghìn

ngày ba mươi tháng chín
năm một nghìn chín trăm
linh bảy

ngày mười ba tháng mười
năm một nghìn tám trăm
chín mươi chín

cằm

nếp nhăn

trán

lông mi

râu

má

sobrancelha

cintura

nuca

peito

polegar

dedo mindinho

dedo anelar

dedo do meio

dedo indicador

pulso
parte do corpo

unha

calcanhar

coluna vertebral

músculo

osso
parte do corpo

esqueleto

costela

vértebra

bexiga

veia

artéria

gáy

eo

lông mày

ngón tay út

ngón cái

lồng ngực

ngón tay trỏ

ngón tay giữa

ngón tay đeo nhẫn

gót chân

móng tay

cổ tay

xương

cơ bắp

xương sống

đốt sống

xương sườn

bộ xương

động mạch

tĩnh mạch

bàng quang

vagina

esperma

pénis

testículo

suculento

picante

salgado

cru

cozido

tímido

ganancioso

rigoroso

surdo

dương vật

tinh trùng

âm đạo

cay

mộng nước

tinh hoàn

lượt

sống

mặn

nghiêm khắc

tham lam

nhút nhát

điếc